TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/LĐ – ST
Ngày: 20-6-2025
V/v: Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Kim Lý – Cán bộ hưu trí
2. Bà Nguyễn Thị Thắm – Cán bộ hưu trí nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở Trung tâm y tế thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 09/2025/TLST-LĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc: "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-LĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1982; đăng ký thường trú: Số A, tổ E, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH K; địa chỉ trụ sở: Khu S, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Cao Hoàng L, sinh năm 1997; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH K, khu S, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 10/44/2025); yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Ngọc H, sinh năm 1970; đăng ký thường trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố B là ông Nguyễn Văn N – Phó giám đốc (là người đại diện theo uỷ quyền- Văn bản ủy quyền đề

ngày 02/01/2025); yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T trình bày:

Bà T làm việc tại trường T1 (xã K, huyện C, tỉnh An Giang) từ năm 2005 đến nay, trường học có đóng bảo hiểm xã hội cho bà T.

Bà Phan Ngọc H là chị ruột của bà T. Do bà H lớn tuổi khó xin vào làm công nhân tại các công ty nên bà T cho bà H mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K. Công ty ký kết hợp đồng lao động và có đóng bảo hiểm xã hội cho bà H từ 11/2014 đến tháng 7/2019 với tên Phan Thị Ngọc T. Đến tháng 8/2019 bà H nghỉ việc tại Công ty K.

Hiện nay với tên Phan Thị Ngọc T thì bà T đóng trùng bảo hiểm ở 02 nơi là công ty TNHH K và trường THCS T1 từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019.

Nay bà T khởi kiện Công ty TNHH K1 yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động đã được ký kết giữa Công ty TNHH K2 và bà T (do bà H lấy tên ký).

Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu hủy kết quả đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019 với mã số BHXH 7414060508 của bà T. Nay bà T xin rút lại yêu cầu này.

Bà T tự nguyện chịu tiền án phí lao động.

Do bận nhiều công việc nên bà T yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty TNHH K – do bà Cao Hoàng L đại diện trình bày:

Vào năm 2014 Công ty TNHH K có ký kết hợp đồng lao động với bà Phan Thị Ngọc T. Công ty K và trích đóng BHXH cho bà T theo quy định từ 11/2014 đến tháng 5/2018

Đến tháng 6/2018 bà T nghỉ việc tại Công ty. Do thời gian đã lâu nên Công ty không còn lưu giữ Hợp đồng lao động năm 2014.

Đến tháng 7/2018 bà T tiếp tục ký Hợp đồng lao động với Công ty theo Hợp đồng lao động số 3830 ngày 30/7/2018. Công ty trích đóng BHXH cho bà T theo quy định. Đến tháng 7/2019 thì bà T nghỉ việc tại Công ty nên Công ty đã làm thủ tục thôi việc cho bà T và kết thúc hợp đồng lao động với bà T. Công ty đã báo giảm bảo hiểm cho bà T trong tháng 08/2019. Các chế độ lương thưởng và chế độ khác của người lao động đã được giải quyết theo đúng quy định.

Công ty Q thông qua giấy tờ tùy thân, hồ sơ lí lịch có liên quan và đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật. Nay bà T thừa nhận cho chị ruột là Phan Ngọc H mượn giấy tờ để xin việc ở Công ty thì Công ty T2 đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà T theo đúng quy định của pháp luật. Công ty không có ý kiến gì. Do bận nhiều công việc nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B – do ông Nguyễn Văn N đại diện trình bày:

Công ty TNHH K, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1982, căn cước công dân số 089182028601 với mã số BHXH 7414060508 từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019.

Quá trình trùng giữa 02 mã số BHXH: Mã số 7414060508 và 5005006715 từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019. Bà Phan Thị Ngọc T chưa hưởng chế độ BHTN của mã số 7414060508.

Bảo hiểm xã hội thành phố B đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông N yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Ngọc H trình bày:

Bà H là chị ruột của bà Phan Thị Ngọc T. Do bà H lớn tuổi khó xin vào làm công nhân tại các công ty nên bà H mượn chứng minh nhân dân của bà T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K. Công ty ký kết hợp đồng lao động và có đóng bảo hiểm xã hội cho bà H từ 11/2014 đến tháng 7/2019 với tên Phan Thị Ngọc T. Tháng 8/2019 bà H nghỉ việc tại Công ty K. Do đó, với tên Phan Thị Ngọc T thì bà T đóng trùng bảo hiểm xã hội ở 02 nơi là công ty TNHH K và trường THCS T1 từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019.

Nay bà T khởi kiện Công ty TNHH K1 yêu cầu hủy hợp đồng lao động đã được ký kết giữa Công ty TNHH K2 và bà T (do bà H lấy tên ký) thì bà H không có ý kiến gì và không yêu cầu gì trong vụ án. Bà H yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt) và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T, đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Ngọc H và người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố B có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt các đương sự theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà T khởi kiện bị đơn Công ty TNHH K có trụ sở chính tại phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Toà án nhận định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà T khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà T với bị đơn Công ty TNHH K vô hiệu là có căn cứ, bởi vì:

Giữa bà T và Công ty TNHH K không hề có giao kết hợp đồng lao động, việc này được chứng minh bằng thời gian làm việc liên tục và tham gia bảo hiểm xã hội của bà T tại trường T1 từ năm 2005 đến nay;

Bà H và bà T khẳng định vào năm 2012, bà H mượn chứng minh nhân dân của bà T và lấy danh nghĩa của bà T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty K và tham gia đóng bảo xã hội, bảo hểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động- bệnh nghề nghiệp cho bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1982, số căn cước công dân 089182028601, với mã số BHXH 7414060508 từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019;

Bảo hiểm xã hội thành phố B xác nhận: Công ty TNHH K, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1982, số căn cước công dân 089182028601 với mã số BHXH 7414060508 từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019. Quá trình trùng giữa 02 mã số BHXH: Mã số 7414060508 và 5005006715 từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019; bà Phan Thị Ngọc T chưa hưởng chế độ BHTN của mã số 7414060508.

Như vậy, việc bị đơn Công ty TNHH K giao kết hợp động lao động với bà H nhưng ghi tên bà T vào hợp đồng lao động và nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà T là có sai sót, nhầm lẫn. Do đó, cần phải tuyên bố hợp đồng lao động nêu trên vô hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

[2.2] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[2.3] Đối với việc bà T rút yêu cầu hủy kết quả đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019 với mã số BHXH 7414060508 của bà T. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà T đã rút.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T về việc yêu cầu hủy quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1982, căn cước công dân số 089182028601 với mã số BHXH 7414060508 từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2019.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc T đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc "tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu".

Tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty TNHH K và bà Phan Thị Ngọc T vô hiệu.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS tp Bến Cát;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương